

Số: /2020/QĐST – HNGĐ

K, ngày 23 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 487/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1993; ĐKKHKT: thôn L, xã Y, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q; sinh năm 1987; ĐKKHKT: thôn L, xã Y, huyện K, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Q có 03 con chung là Hoàng Ngọc Huyền sinh ngày 28/11/2010, Hoàng Ngọc Hoài sinh ngày 29/12/2012 và Hoàng Thái Phong sinh ngày 13/12/2017. Khi ly hôn, anh Q nuôi con chung là Hoàng Ngọc Huyền, Hoàng Ngọc Hoài, Hoàng Thái Phong, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung đến khi các con chung thành niên hoặc khi có yêu cầu khác.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2 Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu cả án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2010/0005711 ngày 14/12/2020, được trả lại 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện K
- THADS huyện K
- UBND xã Y,
- (Số ĐKKH 89/2010)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung